TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHÚ VANG** **TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 07/2018/QĐST-HNGĐ *Phú Vang, ngày 26 tháng 01 năm 2018*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 192/2017/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 12 năm 2017, giữa:

*** Nguyên đơn:** Chị Phan Thị T, sinh năm 1980;

Địa chỉ: Tập Đoàn 3, Đồng M, thôn A, xã Phú A, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế.

*** Bị đơn:** Anh Nguyễn Thanh T, sinh năm 1972;

Địa chỉ: Thôn N, xã Phú Thượng, huyện Phú V, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Căn cứ vào các Điều 212 và 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 7 Điều 26 Nghị quyết: 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 18 tháng 01 năm 2018.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 18 tháng 01 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Phan Thị T và anh Nguyễn Thanh T.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị chị Phan Thị T và anh Nguyễn Thanh T.

- Về con chung: Chị Phan Thị T và anh Nguyễn Thanh T xác nhận quá trình chung sống vợ chồng có 02 con chung là các cháu Nguyễn Phan Thanh T, sinh ngày 24/11/2003 và cháu Nguyễn Phan Thanh T, sinh ngày 20/12/2006. Nay thuận tình ly hôn chị T, anh T thỏa thuận như sau: Giao cả 02 cháu Nguyễn Phan Thanh T và Nguyễn Phan Thanh T1 cho anh Nguyễn Thanh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến lúc các cháu T, T1 trưởng thành, đủ 18 tuổi, cũng như nguyện vọng của 02 cháu được ở với bố. Chị Phan Thị T không đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung, nợ chung: Chị Phan Thị T và anh Nguyễn Thanh T xác nhận quá trình chung sống vợ chồng không có tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Chị Phan Thị T và anh Nguyễn Thanh T, mỗi người phải chịu 75.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Hai bên thỏa thuận chị Phan Thị T tự nguyện chịu toàn bộ án phí ly hôn là 150.000đồng, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) mà chị Phan Thị T đã nộp theo biên lai thu tiền số: AA/2013/003797 ngày 08/12/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế. Nay chị Phan Thị T được nhận lại số tiền chênh lệch là 150.000đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng).

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, được sửa đổi, bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Thừa Thiên Huế;
- VKSND huyện Phú Vang;
- Chi cục THADS huyện Phú Vang;
- UBND xã P, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế (chị T, anh T ĐKKH vào ngày 24/3/2004);
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu dán án.

THẨM PHÁN

Huỳnh Trọng Cẩn